

Số: 262/BC-UBND

Hòa An, ngày 26 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023

Kính gửi: Thanh tra tỉnh Cao Bằng.

Ủy ban nhân dân huyện Hòa An nhận được Công văn số 747/TTr-NV ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Thanh tra tỉnh Cao Bằng về việc báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo Quý II và 6 tháng đầu năm 2023. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Hòa An báo cáo kết quả như sau:

I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Tình hình khiếu nại, tố cáo (KNTC)

Trong 6 tháng đầu năm 2023, tổng số đơn thư KNTC, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn huyện tăng so với cùng kỳ năm 2022, số đơn tiếp nhận tăng 10 đơn (tăng 7,7%) so với cùng kỳ¹ (trong đó đơn khiếu nại giảm 01 đơn; đơn tố cáo không có biến động; đơn kiến nghị, phản ánh tăng 11 đơn). Nội dung khiếu nại liên quan đến việc chưa giải quyết việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất; khiếu nại về trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai. Về tố cáo, tố cáo hành vi của cán bộ, công chức khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Riêng số đơn thư kiến nghị, phản ánh tiếp nhận trong kỳ chủ yếu là đơn kiến nghị, đề nghị liên quan đến lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng và một số lĩnh vực khác.

2. Nguyên nhân của tình hình KNTC

Công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tiếp công dân, giải quyết đơn thư KNTC chưa có sự đổi mới về hình thức tuyên truyền nên chất lượng, hiệu quả chưa cao.

Một số công dân kiến nghị, phản ánh chưa nhận thức đầy đủ về chính sách pháp luật có liên quan, chỉ yêu cầu quyền lợi theo ý muốn chủ quan của mình. Có những vụ việc đã được giải quyết nhiều lần với nhiều biện pháp khác nhau, bảo đảm chính sách, pháp luật, có lý, có tình nhưng người đề nghị vẫn không chấp nhận kết quả giải quyết.

Cán bộ, công chức được giao làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết KNTC tại một số xã, thị trấn kỹ năng tiếp công dân còn hạn chế, chưa nghiên cứu sâu các văn bản hướng dẫn nên khi thực hiện nhiệm vụ còn lúng túng.

¹ Trong 6 tháng đầu năm 2022 tiếp nhận 130 đơn (khiếu nại 03 đơn; tố cáo 01 đơn; kiến nghị, phản ánh 126 đơn; 6 tháng đầu năm 2023 tiếp nhận 140 đơn (khiếu nại 02 đơn; tố cáo 01 đơn; kiến nghị, phản ánh 137 đơn).

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

1. Công tác tiếp công dân (Biểu số 01/TCD, 02/TCD)

a) Kết quả tiếp công dân

Tổng số lượt tiếp công dân 93 lượt, số người được tiếp 93 người, số người được tiếp tăng 06 người so với cùng kỳ năm 2022²; số vụ việc được tiếp 90 vụ việc (trong đó vụ việc tiếp lần đầu 90, vụ việc tiếp nhiều lần 0); trong đó số đoàn đông người được tiếp: không có. Cụ thể:

* Tại cấp huyện:

Tổng số lượt tiếp công dân 30 lượt, số người được tiếp 30 người; số vụ việc tiếp 30 vụ (trong đó số vụ việc tiếp lần đầu: 30 vụ việc; vụ việc tiếp nhiều lần: 0 vụ việc); số đoàn đông người được tiếp: không có; Chủ tịch UBND huyện tiếp định kỳ vào ngày 05, 15 hàng tháng, tham dự ngày tiếp này có Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện tiếp công dân, lãnh đạo phòng, ban có liên quan tiếp 08 lượt, số người được tiếp 08 người; tiếp công dân thường xuyên của Ban tiếp công dân huyện 22 lượt, số người được tiếp 22 người.

* Tại các xã, thị trấn:

- Tổng số lượt tiếp công dân 63 lượt, số người được tiếp 63 người; số vụ việc 60 vụ việc (trong đó số vụ việc tiếp lần đầu: 60 vụ việc; vụ việc tiếp nhiều lần: 0 vụ việc); số đoàn đông người được tiếp: không có; tiếp công dân thường xuyên 48 lượt, số người được tiếp 48 người; tiếp công dân định kỳ 15 lượt, số người được tiếp 15 người.

b) Phân loại đơn, vụ việc qua tiếp công dân

Tổng số đơn nhận được qua tiếp công dân 90 đơn (trong đó tại cấp huyện 30 đơn; tại cấp xã 60 đơn).

- Phân loại theo nội dung: Tổng số đơn 90 đơn, số vụ việc 90 vụ việc (trong đó tại cấp huyện là 30 đơn, số vụ việc 30 vụ việc; tại cấp xã 60 đơn, số vụ việc 60 vụ việc).

+ Khiếu nại: 0 đơn/0 vụ việc;

+ Tổ cáo: 0 đơn/0 vụ việc;

+ Phản ánh, kiến nghị: 90 đơn/90 vụ việc.

- Phân loại theo thẩm quyền giải quyết:

+ Thuộc thẩm quyền: Tổng số đơn 81 đơn, số vụ việc 81 (trong đó tại cấp huyện 30 đơn, số vụ việc 30; cấp xã 51 đơn, số vụ việc 51);

+ Không thuộc thẩm quyền: 09 đơn/09 vụ việc (trong đó cấp huyện 0 đơn, số vụ việc 0; cấp xã 09 đơn, số vụ việc 09).

² Trong 6 tháng đầu năm 2022 tiếp 87 lượt/87 người; 6 tháng cuối năm 2023 tiếp 105 lượt/94 người.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn (Biểu số 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD)

a) Tổng số đơn: 140 đơn, số đơn kỳ trước chuyển sang 33 đơn; tiếp nhận trong kỳ 107 đơn (trong đó tại cấp huyện số đơn kỳ trước chuyển sang 24 đơn, tiếp nhận trong kỳ 50 đơn; tại cấp xã số đơn kỳ trước chuyển sang: 09 đơn; tiếp nhận trong kỳ 57 đơn).

- Số đơn đã xử lý 140 đơn/140 đơn tiếp nhận.

- Số đơn, số vụ việc, đủ điều kiện xử lý: 136 đơn/136 vụ việc đủ điều kiện xử lý.

b) Phân loại, xử lý đơn

- Phân loại theo nội dung:

+ Số đơn, số vụ việc khiếu nại: 02 đơn, vụ việc (cấp huyện 01 đơn; cấp xã 01 đơn);

+ Số đơn, số vụ việc tố cáo: 01 đơn, vụ việc (cấp huyện 01 đơn);

+ Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh: 133 đơn, vụ việc (cấp huyện 69 đơn; cấp xã 64 đơn).

- Phân loại theo tình trạng giải quyết:

+ Số đơn, số vụ việc đã giải quyết: 115 đơn/115 vụ việc;

+ Số đơn, số vụ việc đang giải quyết: 21 đơn/21 vụ việc (cấp huyện 09 đơn³; cấp xã 12 đơn⁴).

+ Số đơn, số vụ việc chưa giải quyết: không có.

c) Kết quả xử lý đơn

- Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền: 116 đơn/116 vụ việc (cấp huyện 60 đơn/60 vụ việc; cấp xã 56 đơn/56 vụ việc).

- Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền: 20 đơn/20 vụ việc (cấp huyện 11 đơn/11 vụ việc; cấp xã 09 đơn/09 vụ việc).

3. Kết quả giải quyết KNTC, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ)

Tổng số đơn, số vụ việc (KNTC, kiến nghị, phản ánh) đã giải quyết 95 đơn/116 đơn, số vụ việc (KNTC, kiến nghị, phản ánh) phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết: 81,8%.

a) Kết quả giải quyết khiếu nại (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ)

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết 02 đơn/02 đơn, số vụ việc phải giải quyết (cấp huyện 01 đơn; cấp xã 01 đơn); tỷ lệ giải quyết 100%.

³ Phòng Tài nguyên và Môi trường 06 đơn; Trung tâm PTQĐ và GPMB 02 đơn; Tổ công tác theo Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 10/5/2023: 01 đơn.

⁴ Thị trấn Nước Hai 03 đơn; Hồng Nam 01 đơn; Lê Chung 01 đơn; Trương Lương 02 đơn; Nam Tuấn 01 đơn; Ngũ Lão 01 đơn; Quang Trung 01 đơn; Dân Chủ 01 đơn; Đại Tiến 01 đơn.

- Tổng hợp quyết định giải quyết khiếu nại đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm, chuyển cơ quan điều tra: Số cá nhân được trả lại quyền lợi 01 cá nhân.

- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc khiếu nại lần đầu: Khiếu nại đúng một phần 01 vụ việc (đơn ông Nông Đức Tuấn); khiếu nại sai 01 vụ việc (đơn ông Dương Nguyễn Minh). Chấp hành thời hạn giải quyết đúng quy định 01 vụ việc (đơn ông Nông Đức Tuấn), không đúng quy định 01 vụ việc (ông Dương Nguyễn Minh).

- Kết quả thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại: Số quyết định phải thực hiện 02 quyết định, số quyết định đã thực hiện xong 02 quyết định. Số người đã bị xử lý trách nhiệm, đã khởi tố: không có.

b) Kết quả giải quyết tố cáo (03/KQGQ, 04/KQGQ):

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết 01 đơn/01 vụ việc phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết 100%;

- Tổng hợp kết luận nội dung tố cáo đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm: Không có.

- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc tố cáo lần đầu, tố cáo tiếp, việc chấp hành thời hạn giải quyết tố cáo: Kết quả giải quyết tố cáo lần đầu có đúng có sai; chấp hành thời hạn giải quyết đúng quy định.

- Kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo: Số kết luận phải thực hiện 01 kết luận; số kết luận đã thực hiện xong: 01 kết luận.

c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh

Tổng số vụ việc, nội dung kiến nghị, phản ánh/số vụ việc, nội dung đã giải quyết 92/113 (tỷ lệ số vụ việc đã giải quyết 81,4%). Các đơn kiến nghị, phản ánh đã được các cơ quan, chuyên môn tiến hành kiểm tra, xác minh và ban hành văn bản trả lời công dân theo đúng quy định pháp luật.

4. Kết quả rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, phức tạp, kéo dài theo Kế hoạch số 363/KH-TTTP ngày 20/3/2019, Kế hoạch số 1910/KH-TTTP ngày 29/10/2021 của Thanh tra Chính phủ: không có.

5. Kết quả giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo do các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội chuyển đến: không có.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

Công tác tiếp công dân được thực hiện theo đúng quy định pháp luật; trụ sở, nơi tiếp công dân, cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tại các buổi tiếp công dân định kỳ đều có sự tham dự của đồng chí Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện, Chủ tịch UBND huyện và mời các cơ quan, đơn vị có liên quan khi có công dân khiếu nại, phản ánh về các vụ việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị đó. Riêng UBND các xã, thị trấn trên địa

bàn đã bố trí địa điểm tiếp công dân cơ bản thuận lợi và thực hiện phân công cán bộ, công chức tiếp dân thường xuyên tại địa điểm tiếp công dân. Qua đó, đã cơ bản giải thích, làm rõ cho công dân hiểu được về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết vụ việc; giải đáp, làm rõ các thắc mắc của công dân, góp phần hạn chế tình trạng khiếu kiện vượt cấp, góp phần đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tham mưu giải quyết các đơn thư, vụ việc còn vướng mắc, chưa giải quyết dứt điểm 02/06 vụ việc⁵; chuẩn bị nội dung tổ chức đối thoại tại các buổi tiếp công dân định kỳ; theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc giải quyết, xác minh nội dung KNTC, kiến nghị, phản ánh nhằm nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, từng bước giải quyết dứt điểm các đơn thư, vụ việc còn tồn đọng người dân thường xuyên kiến nghị, phản ánh tại các kỳ tiếp công dân.

2. Tồn tại, hạn chế

Tình hình KNTC, kiến nghị, phản ánh trong lĩnh vực đất đai còn chiếm số lượng lớn.

Việc tiếp công dân, xử lý đơn thư tại một số xã chưa đảm bảo theo quy định⁶; một số đơn thư xử lý, giải quyết chưa đảm bảo trình tự, thủ tục; kết quả hòa giải thành chưa cao.

Công tác tuyên truyền pháp luật về KNTC chưa thu hút người tham gia. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác giải quyết KNTC, kiến nghị phản ánh của công dân tại một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm túc, chất lượng còn hạn chế.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan:

Chính sách quản lý liên quan đến đất đai thay đổi nhiều làm phát sinh các khiếu kiện, thắc mắc trong nhân dân đặc biệt là lĩnh vực đất đai.

Nhận thức của một số công dân về chính sách pháp luật, nhất là các quy định pháp luật về đất đai còn hạn chế nên trong quá trình thực hiện các giao dịch dân sự liên quan đến quyền của người sử dụng đất chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Công tác phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp, các tổ chức, đoàn thể trong công tác kiểm tra, giám sát việc giải quyết đơn thư của công dân trên thực tế chưa nhiều, hiệu quả chưa cao.

⁵ Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 13/12/2022 của UBND huyện Hòa An về rà soát, giải quyết các đơn thư, vụ việc còn vướng mắc, chưa giải quyết dứt điểm.

⁶ Luật Tiếp công dân; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; Thông tư số 04/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân; Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, đơn phản ánh.

3.2. Nguyên nhân chủ quan:

Công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý Nhà nước trên một số lĩnh vực tại địa phương còn hạn chế, thiếu sót, nhất là công tác quản lý đất đai. Việc kiểm tra, thẩm định, cấp phát, lưu trữ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các cơ quan chuyên môn còn lỏng lẻo, không kịp thời phát hiện, có biện pháp xử lý đối với những trường hợp chưa thực hiện chuyên mục đích sử dụng đất.

Công chức được phân công tiếp công dân tại một số xã chưa dành nhiều thời gian nghiên cứu các quy định pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn thư nên việc tham mưu chưa đảm bảo theo quy định. Công tác hòa giải ở cơ sở chưa được quan tâm đúng mức, thiếu sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, chưa phát huy hết trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở tại địa phương.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật chưa đổi mới về hình thức nên chất lượng, hiệu quả chưa cao.

IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Trong thời gian tới, tình hình KNTC, phản ánh, kiến nghị trên địa bàn huyện còn tiềm ẩn nhiều phức tạp, dự báo các khiếu kiện tập trung vào các lĩnh vực tranh chấp đất đai, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

1. Tiếp tục tuyên truyền và thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm quy định pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KNTC; bố trí địa điểm tiếp công dân, phân công công chức có năng lực, kinh nghiệm thực hiện tiếp công dân; thực hiện đúng quy trình xử lý đơn thư, nghiên cứu kỹ từng nội dung đơn để phân loại đơn chính xác, đúng yêu cầu, nội dung. Gắn công tác tiếp công dân với việc giải quyết KNTC và tuyên truyền phổ biến pháp luật.

4. Đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện còn có đơn thư vướng mắc, chưa giải quyết dứt điểm chuẩn bị hồ sơ, tài liệu liên quan, báo cáo đề xuất phương án giải quyết và nội dung tổ chức đối thoại tại các buổi tiếp công dân định kỳ; thực hiện đăng ký tổ chức đối thoại qua Ban Tiếp công dân huyện trước 07 ngày kỳ tiếp công dân theo lịch của Chủ tịch UBND huyện.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra trách nhiệm thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong việc chấp hành pháp luật về KNTC nhằm chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện công tác này.

6. Đôn đốc thực hiện nghiêm túc các quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận giải quyết tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; đảm bảo thực hiện nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương hành chính, tạo niềm tin cho Nhân dân, góp phần hạn chế tối đa các đơn thư KNTC.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Thanh tra tỉnh tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, nghiệp vụ để nâng cao kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo cho cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã trên địa bàn huyện.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 của UBND huyện Hòa An./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban tiếp công dân tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TTrH(T).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đàm Thanh Hưởng

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 ước đến ngày 14/6/2023

(Kèm theo Báo cáo số 262/BC-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Hòa An)

Đơn vị	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Tiếp thường xuyên								Tiếp định kỳ và đột xuất của Thủ trưởng																	
				Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Thủ trưởng tiếp								Ủy quyền tiếp									
						Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người			
															Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần				Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần
MS	1=4+1 3+22	2=5+1 4+23	3=6+7 +15+ 16 + 24 +25	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
Cấp huyện	30	30	30	22	22	22	0	0	0	0	0	12	8	8	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Cấp xã	63	63	60	48	48	46	0	0	0	0	0	363	11	11	10	0	0	0	0	0	4	4	4	4	0	0	0	0	0
Tổng	93	93	90	70	70	68	0	0	0	0	0	375	19	19	18	0	0	0	0	0	4	4	4	4	0	0	0	0	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, XỬ LÝ ĐƠN QUA TIẾP CÔNG DÂN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 ước đến ngày 14/6/2023

(Kèm theo Báo cáo số 262/BC-UBND ngày 262 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Hòa An)

Đơn vị	Tổng số đơn nhận được qua tiếp công dân	Tổng số vụ việc được tiếp	Phân loại theo nội dung						Phân loại theo thẩm quyền						Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	Ghi chú	
			Khiếu nại		Tố cáo		Phản ánh, kiến nghị		Thuộc thẩm quyền		Không thuộc thẩm quyền						
			Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	số vụ việc	số đơn	Số vụ việc					
												Tổng	Hướng dẫn	Chuyên đơn			Đôn đốc giải quyết
MS	1=3+5+7=9+11	2=4+6+8=10+12	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Cấp huyện	30	30	0	0	0	0	30	30	30	30	0	0	0	0	0	0	
Cấp xã	60	60	0	0	0	0	60	60	51	51	9	9	0	9	0	3	
Tổng	90	90	0	0	0	0	90	90	81	81	9	9	0	9	0	3	

Biểu số: 01/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 ước đến ngày 14/6/2023

(Kèm theo Báo cáo số 262/BC-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Hòa An)

Đơn vị	Tổng số đơn	Kỳ trước chuyển sang			Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác		Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Đơn g giải quyết	Chư a giải quyết	Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền				
														Lần đầu	Nhiều lần			Tổng số	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết	
MS	1=2+3+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9=11+12+13 =14+15+16+17 =18+22	10	11	12	13	14	15	16	17	18= 19+20+21	19	20	21	22= 23+24+25	23	24	25	26
Cấp huyện	74	0	24	0	3	44	3	74	71	71	1	1	69	62	0	9	0	60	1	1	58	11	0	11	0	5
Cấp xã	66	1	8	0	1	56	0	66	65	65	1	0	64	53	0	12	0	56	1	0	55	9	0	9	0	0
Tổng	140	1	32	0	4	100	3	140	136	136	2	1	133	115	0	21	0	116	2	1	113	20	0	20	0	5

Biểu số: 04/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 ước đến ngày 14/6/2023

(Kèm theo Báo cáo số 262/BC-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Hòa An)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đã xử lý trong kỳ			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý			Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp	Khác	Đã được giải quyết	Đang giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
																					Tổng số	Chuyển đơn		Đơn độc giải quyết
MS	1=2+. .+7	2	3	4	5	6	7	8=9+ 10	9	10	11	12=1 3+..+ 16=1 7+..+ 19=2 0+21	13	14	15	16	17	18	19	20	21= 22+2 3	22	23	24
Cấp huyện	72	0	24	0	3	42	3	72	24	48	69	69	0	56	0	13	60	9	0	58	11	11	0	5
Cấp xã	64	1	8	0	1	54	0	64	9	55	64	64	1	47	0	16	52	12	0	55	9	9	0	0
Tổng	136	1	32	0	4	96	3	136	33	103	133	133	1	103	0	29	112	21	0	113	20	20	0	5

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI THUỘC THẨM QUYỀN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 ước đến ngày 14/6/2023

(Kèm theo Báo cáo số 262/BC-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Hòa An)

Đơn vị	Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	Kết quả giải quyết														Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)										
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ		Đã giải quyết	Kiến nghị thu hồi cho NN	Trả lại cho tổ chức, cá nhân								Kiến nghị xử lý hành chính	Chuyển cơ quan điều tra		Giải quyết lần đầu			Giải quyết lần 2		Chấp hành thời hạn giải quyết						
							Tổ chức				Cá nhân					Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổng số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Tổng số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần	Công nhận QĐ g/q lần đầu	Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu	Đúng quy định	Không đúng quy định
							Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)															
MS	1=2+3	2	3	4	5=20+...+24	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26			
Cấp huyện	1	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1			
Cấp xã	1	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0			
Tổng	2	0	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1	1			

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 ước đến ngày 14/6/2023

(Kèm theo Báo cáo số 262/BC-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Hòa An)

Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền	Trong đó số vụ việc tố cáo tiếp	Kết quả giải quyết														Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)						Chấp hành thời hạn giải					
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ			Đã giải quyết					Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Tổ cáo đúng	Trong đó tố cáo tiếp đúng	Tổ cáo sai	Trong đó tố cáo tiếp sai	Tố cáo có đúng, có sai	Trong đó tố cáo tiếp có, có sai	Đúng quy định	Không đúng quy định
						Số vụ việc lần đầu	Số vụ việc tố cáo tiếp	Số vụ việc rút toàn bộ nội dung tố cáo	Số vụ việc đình chỉ không rút tố cáo	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổ chức		Cá nhân		Số người bị kiến nghị xử lý			Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức									
												Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)																
MS	1=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10 = 24+26+28 = 30+31	7	8=25+27+29	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
Cấp huyện	1	0	1	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0
Cấp xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	1	0	1	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0

